

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MANG THÍT  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/DS-ST  
Ngày: 31- 7- 2020  
V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Phẩm.

2. Ông Huỳnh Văn Thanh.

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*** Không.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

**1. *Nguyên đơn:*** Nguyễn Ngọc D, sinh 1967 và Lê Văn T, sinh 1963. Địa chỉ: Ấp Mỹ C, xã C An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Bà D và ông T vắng.

**- *Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*** Lê Tấn P, sinh 1976. Địa chỉ: Số 66, Đường 3/2, Khóm 4, thị trấn Cái Nhum, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

**2. *Bị đơn:*** Trần Văn T, sinh 1965 và Trương Thị B, sinh 1963. Địa chỉ: Ấp Mỹ C, xã C An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI D VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2020 nguyên đơn Nguyễn Ngọc D và Lê Văn T trình bày:*

Ngày 24/02/2020 (nhằm ngày 02/02/2020 âm lịch) vợ chồng Nguyễn Ngọc D và Lê Văn T ( gọi tắt là vợ chồng bà D) cho vợ chồng bà Trương Thị B và ông Trần Văn T (gọi tắt là vợ chồng bà B) vay tổng số tiền là 687.000.000đ. Lãi suất thỏa thuận là 09%/tháng. Thời hạn vay là một tháng tính từ ngày 24/02/2020 đến ngày 25/3/2020. Thỏa thuận đến ngày 25/3/2020 trả vốn và lãi trả một lần. Khi vay vợ chồng bà B trực tiếp nhận tiền, khi đó bà B viết biên nhận. Đến hạn vợ chồng bà B không trả vốn, không đóng lãi. Vợ chồng bà D đòi nhiều lần nhưng vợ chồng bà B không trả. Vợ chồng bà D khởi kiện, yêu cầu vợ chồng bà B trả 687.000.000đ nợ gốc và lãi từ ngày 24/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi là 1,66%/tháng.

*Tại cuộc hòa giải ngày 27/5/2020 và ngày 05/6/2020 bị đơn Trương Thị B trình bày:*

Bà B có vay của vợ chồng bà D 06 lần với số tiền 361.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 3.000đ/1.000.000đ/ngày. Cụ thể:

- Ngày 25/11/2019 vay nhận 60.000.000đ.
- Ngày 24/11/2019 vay nhận 120.000.000đ.
- Ngày 28/11/2019 vay nhận 45.000.000đ.
- Ngày 21/10/2019 vay nhận 30.000.000đ.
- Ngày 28/10/2019 vay nhận 66.000.000đ.
- Ngày 28/10/2019 vay nhận 40.000.000đ.

Sau khi vay vợ chồng bà B đóng lãi theo thỏa thuận cho vợ chồng bà D rất nhiều nhưng không nhớ cụ thể thời điểm đóng, số lần đóng, số tiền đóng. Nay vợ chồng bà B chỉ đồng ý trả vợ chồng bà D 361.000.000đ và lãi suất của 361.000.000đ từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi 20%/năm..

*Bị đơn Trần Văn T trình bày:*

Vợ chồng bà B vay tiền để lo cho con ăn học và làm kinh tế cho gia đình. Nhưng ông T không biết bà B vay bao nhiêu lần, số tiền vay cụ thể của từng lần. Đến khi tổng kết nợ thì ông T nói là nợ 687.000.000đ. Nhưng ông T chỉ đồng ý trả vợ chồng bà D 361.000.000đ và lãi suất 20%/ năm tính từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm.

Tòa án tiến hành hòa giải vụ án nhưng không đạt được kết quả, nên tiến hành đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm đương sự trình bày ý kiến như sau:

*Ý kiến đại diện nguyên đơn:*

Các lần vay ngày 25/11/2019 là 60.000.000đ, ngày 24/11/2019 là 120.000.000đ, ngày 28/11/2019 là 45.000.000đ đã thanh toán xong, nằm ngoài phạm vi khởi kiện. Vợ chồng bà D khởi kiện đối với 03 lần vay sau là ngày 12/12/2019 âm lịch là 79.000.000đ, ngày 12/12/2019 âm lịch 247.000.000đ, ngày 28/12/2019 âm lịch là 361.000.000đ. Ngày 02/02/2020 âm lịch tổng kết 03 lần vay này thành 687.000.000đ thì bên bà B viết biên nhận là 687.000.000đ. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà B trả 687.000.000đ và lãi suất từ ngày 24/02/2020 ( 02/02/2020 âm lịch) đến ngày xét xử sơ thẩm tính tròn là 05 tháng, với mức lãi 1,66%/tháng.

*Ý kiến của bà Trương Thị B:*

Bà B thừa nhận chữ viết trong biên nhận ngày 02/02/2020 âm lịch là chữ viết của bà B, số nợ trong biên nhận 687.000.000đ là tổng cộng của vốn và lãi. Trong đó vốn của 06 lần vay trên là 361.000.000đ, lãi của nợ vay trước kia ( ngoài 06 lần vay trên) là 247.000.000đ, lãi và mượn thêm 79.000.000đ (không nhớ lãi là bao nhiêu, mượn thêm là bao nhiêu). Do vậy, bà B chỉ đồng ý trả cho vợ chồng bà D 361.000.000đ nợ gốc. Còn phần lãi xin bỏ qua.

*Ý kiến ông Trần Văn T:*

Đồng ý liên đới cùng bà B trả nợ cho vợ chồng bà D. Nhưng chỉ đồng ý trả vợ chồng bà D 361.000.000đ như ý kiến của bà B trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1]. Về tố tụng:**

Vợ chồng bà D khởi kiện đòi tiền vay đối với vợ chồng bà B có nơi cư trú tại ấp Mỹ C, xã C An, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xác định tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

#### **[2]. Về nội D:**

2.1. Vợ chồng bà B chỉ thừa nhận vay của vợ chồng bà D 361.000.000đ là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Vợ chồng bà D không thừa nhận, còn vợ chồng bà B không chứng khác chứng minh. Trong khi đó, bà B thừa nhận chữ ký chữ viết trong biên nhận ngày 02/02/2020 âm lịch là chữ viết của bà B. Nội D của biên nhận ngày 02/02/2020 âm lịch là bà B có vay của bà D 687.000.000đ. Như vậy, đủ căn cứ xác định bà B đã vay của bà D 687.000.000đ.

2.2. Tại phiên tòa, bà B thừa nhận sau khi vay không trả vốn cho vợ chồng bà D khoản nào hết. Nên vợ chồng bà D đòi bà B trả 687.000.000đ là phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

2.3. Bà B cho rằng đóng lãi theo thỏa thuận cho bà D đầy đủ đến 28/12/2019. Nhưng bà B không xác định được thời điểm đóng lãi, số lần đóng

lãi, số tiền đóng lãi cụ thể. Do vậy không có căn cứ để xem xét khấu trừ lãi cao hơn quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho bà B.

2.4. Vợ chồng bà D yêu cầu tiếp tục tính lãi từ ngày 24/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 31/7/2020 của số nợ gốc 687.000.000đ, với mức lãi là 1,66%/tháng và thời gian tính tròn 05 tháng là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Bà B xác định lãi suất thỏa thuận là 3.000đ/1.000.000đ/ngày, bà D xác định 09%/tháng, đều cao hơn lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự là 20%/năm. Nên vợ chồng bà D yêu cầu vợ chồng bà B chịu lãi mức lãi 1,66%/tháng dưới mức 20%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Số lãi vợ chồng bà B phải trả cho vợ chồng bà D là  $[687.000.000đ \times 1,66\%/tháng \times 5 tháng] = 57.021.000đ$ .

### **[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc vợ chồng bà B nộp án phí giá ngạch đối với số tiền phải trả ra là đúng pháp luật. Án phí vợ chồng bà B phải nộp là  $[20.000.000đ + \{744.021.000đ - 400.000.000đ\} \times 4\%] = 33.760.800đ$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Án dụng Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Ngọc D và Lê Văn T:

**1.** Buộc bị đơn bà Trương Thị B và ông Trần Văn T trả nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc D và Lê Văn T 687.000.000đ nợ gốc (sáu trăm T mươi bảy triệu đồng) và 57.021.000đ tiền lãi (năm mươi bảy triệu hai mươi một ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Ngọc D và ông Lê Văn T cho đến khi bà Trương Thị B và ông Trần Văn T thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bà B và ông T còn phải chịu lãi suất cho bà D và ông T theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

## **2. Án phí dân sự sơ thẩm:**

2.1. Buộc bà Trương Thị B và ông Trần Văn T nộp 33.760.800đ (ba mươi ba triệu bảy trăm sáu mươi ngàn T trăm đồng).

2.2. Hoàn trả bà Nguyễn Ngọc D và ông Lê Văn T 15.740.000đ (mười lăm triệu bảy trăm bốn mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 04/5/2020, lai số 0002776.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt đại diện nguyên đơn, bị đơn. Báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- CC. THADS huyện Mang Thít;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
Đã ký

**Huỳnh Văn Vĩnh**